

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2021/KDTM.**

Ngày: 29/4/2021

V/v “tranh chấp HĐ phân phối sản phẩm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Văn Mến.**

2/ Ông **Võ Thành Hưng.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Bích Trương**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Bảo Quốc**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLST-KDTM, ngày 18 tháng 11 năm 2020. Về tranh chấp “**Hợp đồng phân phối sản phẩm**”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2021/QĐXXST, ngày 05 tháng 4 năm 2021 và Thông báo số 185/2021/TB-TA ngày 15/4/2021 v/v dời ngày xét xử. Giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn**: Công ty TNHH YT VN

Trụ sở: Số 17, đường số 10, KCN Việt Nam-Singapore, phường B H, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ liên lạc: lầu 4, số 177, H B T, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Đại diện pháp luật: Ông **YASUNORI TAKEUCHI** - Tổng giám đốc.

Đại diện ủy quyền: Bà Vương Ngọc Như Thảo (Giấy ủy quyền số 01/2020/YTVI-UQ ngày 15/10/2020). (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Lê Ngô Trung** – Đoàn LS TP. Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2- **Bị đơn**: Công ty TNHH Lớp xe ô tô N P

Địa chỉ: Số 167 đường P H, phường L B, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Đại diện pháp luật: Ông **Nguyễn Văn Cai** - Giám đốc. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15/10/2020 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn Công ty TNHH YT VN trình bày:

Công ty TNHH YT VN và Công ty TNHH Lớp xe ô tô N P có ký HĐ phân phối số 1C0302/YTVI/2019/LTB và số 1C0302/YTVI/2019/PCR và các phụ lục hợp đồng kèm theo, với thời hạn từ 01/01/2019 đến 31/12/2019.

Thực hiện các Hợp đồng phân phối số 1C0302/YTVI/2019/LTB (“Hợp đồng LTb”) và số 1C0302/YTVI/2019/PCR (“Hợp đồng PCR”) kèm theo các phụ lục hợp đồng, Công ty TNHH Lớp xe ô tô N P (“Cty N P”) đã mua hàng và Công ty TNHH YT VN (“Cty YTVI”) đã giao đủ hàng cùng với những hóa đơn giá trị gia tăng (số 0007169 ngày 23/4/2019, số 0007173 ngày 23/4/2019, số 0007281 ngày 26/4/2019, số 0008716 ngày 28/6/2019, số 0008718 ngày 28/6/2019, số 0008720 ngày 28/6/2019) với tổng số tiền là 1.844.931.159 đồng.

Theo thỏa thuận về điều khoản thanh toán tại Điều 5.2 Hợp đồng, việc thanh toán tiền hàng sẽ được nhà phân phối thực hiện theo hóa đơn giao hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày Cty YTVI phát hành hóa đơn. Thế nhưng, Cty N P chỉ thanh toán được tiền mua hàng cho Cty YTVI với tổng số tiền là 158.461.924 đồng (theo hình thức chuyển khoản vào ngày 01/07/2019 với số tiền 98.461.924 đồng, ngày 19/08/2019 với số tiền 30.000.000 đồng và ngày 22/08/2019 với số tiền 30.000.000 đồng).

Bên cạnh đó, nhà phân phối Cty N P được hưởng những khoản lợi ích từ chính sách bán hàng và chiết khấu của Cty YTVI với tổng số tiền là 78.525.463 đồng như sau:

Ngày 20/09/2019, nguyên đơn xuất hóa đơn số 0001122 ghi nhận số tiền mà Cty N P được giảm là 2.064.961 đồng khi Cty YTVI điều chỉnh mức giảm đơn giá cho một số mã hàng được đề cập trong hóa đơn số 0007173 nêu trên.

Ngày 21/01/2020, nguyên đơn xuất hóa đơn số 0003940 ghi nhận việc Cty N P đạt chỉ tiêu sản lượng theo quy định cùng với số tiền được hưởng chiết khấu là 76.460.502 đồng.

Sau khi trừ đi khoản tiền hàng đã được thanh toán và các khoản lợi ích được hưởng nêu trên, Cty N P chưa thanh toán cho Cty YTVI số tiền là 1.607.943.772 đồng. Số tiền mua hàng còn nợ này đã được hai bên xác nhận theo biên bản xác nhận công nợ tính đến ngày 30/6/2020.

Cty YTVI nhiều lần liên hệ với Cty N P để yêu cầu thanh toán nhưng luôn bị lẩn tránh và Cty N P không có động thái nào thể hiện tinh thần thiện chí trong việc trả tiền nợ mua hàng. Nhận thấy, Cty N P không tôn trọng cam kết thỏa thuận của các bên về nghĩa vụ thanh toán là vi phạm Điều 5 của Hợp đồng, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền mua hàng còn thiếu là: 1.607.943.772 đồng (Một tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm bảy mươi hai đồng) và tiền lãi tạm

tính từ ngày 28/08/2019 đến ngày 22/01/2021 với mức lãi suất (tạm tính) 9%/năm (tương ứng 0,025%/ngày) là: 206.218.789 đồng (=1.607.943.772 đồng x 0,025%/ngày x 513 ngày). Tổng cộng, Công ty TNHH Lốp xe ô tô N P có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn với tổng số tiền tạm tính là: 1.814.162.561 đồng.

Đại diện bị đơn Công ty TNHH Lốp xe ô tô N P trình bày:

Bị đơn có ký kết các HĐ phân phối số 1C0302/YTVI/2019/LTB và số 1C0302/YTVI/2019/PCR và các phụ lục hợp đồng kèm theo, với thời hạn từ 01/01/2019 đến 31/12/2019. Do tình hình dịch bệnh Covid, công ty không mở cửa mua bán nên không nhận được Giấy triệu tập của Tòa án. Đến khi Tòa án lập thủ tục niêm yết giấy triệu tập và Biên bản công bố chứng cứ thì mới biết nguyên đơn kiện. Do tình hình dịch bệnh nên không thanh toán đúng hạn, thừa nhận còn nợ lại nguyên đơn số tiền hàng là 1.607.943.772 đồng. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn đồng ý trả số tiền hàng 1.607.943.772 đồng (Một tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm bảy mươi hai đồng) cho nguyên đơn. Riêng tiền lãi thì yêu cầu tính theo lãi suất quy định của pháp luật và đề nghị nguyên đơn giảm 70% tổng tiền lãi đã tính.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn **Công ty TNHH Lốp xe ô tô N P** cố tình vắng mặt không đến. Sau khi tiến hành các thủ tục cần thiết, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền hàng còn nợ là **1.607.943.772 đồng** (Một tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm bảy mươi hai đồng) và tiền lãi tính từ ngày 28/08/2019 đến ngày xét xử 29/4/2021 với mức lãi suất 9%/năm là: 241.593.550 đồng (Hai trăm bốn mươi một triệu năm trăm chín mươi ba ngàn năm trăm năm mươi đồng), tự nguyện không tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng và cũng không tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường. Tổng cộng, Công ty TNHH Lốp xe ô tô N P có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn với tổng số tiền là: **1.849.537.322 đồng** (Một tỷ tám trăm bốn mươi chín triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm hai mươi hai đồng). Tuy nhiên, trong giai đoạn thi hành án nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì vẫn tiếp tục yêu cầu trả lãi chậm thanh toán theo qui định.

Bị đơn đồng ý thanh toán số nợ tiền hàng là **1.607.943.772 đồng** (Một tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm bảy mươi hai đồng) nhưng yêu cầu trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Bị đơn đồng ý thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán theo yêu cầu của nguyên đơn tính từ ngày 28/08/2019 đến ngày xét xử 29/4/2021 với mức lãi suất 9%/năm là: 241.593.550 đồng nhưng yêu cầu giảm bớt 70% trên tổng số tiền lãi đã tính.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: là phù hợp quy định pháp luật, có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

- **Về việc giải quyết vụ án:** Căn cứ vào Bản đối chiếu công nợ đến ngày 30/6/2020 (bản gốc – BL 138), các chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ và thừa nhận nợ của bị đơn trong Biên bản hòa giải ngày 15/3/2021 (BL 141-142) cũng như tại phiên tòa hôm nay, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền hàng còn nợ là **1.607.943.772 đồng** (Một tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm bảy mươi hai đồng) và tiền lãi tính từ ngày 28/08/2019 đến ngày xét xử 29/4/2021 với mức lãi suất 9%/năm là: 241.593.550 đồng (Hai trăm bốn mươi một triệu năm trăm chín mươi ba ngàn năm trăm năm mươi đồng), kể cả lãi chậm thanh toán trong giai đoạn thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Việc thỏa thuận phân phối sản phẩm giữa các đương sự được lập bằng văn bản thể hiện bằng HĐ phân phối số 1C0302/YTVI/2019/LTB và số 1C0302/YTVI/2019/PCR và các phụ lục hợp đồng kèm theo, với thời hạn từ 01/01/2019 đến 31/12/2019 (BL 16-65). Nguyên đơn đã giao hàng đủ theo những hóa đơn giá trị gia tăng số 0007169 ngày 23/4/2019, số 0007173 ngày 23/4/2019, số 0007281 ngày 26/4/2019, số 0008716 ngày 28/6/2019, số 0008718 ngày 28/6/2019, số 0008720 ngày 28/6/2019. Bị đơn cũng được hưởng những khoản lợi ích từ chính sách bán hàng và chiết khấu của nguyên đơn nhưng không thực hiện đúng thỏa thuận thanh toán đủ tiền hàng. Và đến ngày 30/6/2020 hai bên cũng đã đối chiếu công nợ, theo đó thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 1.607.943.772 đồng (Một tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm bảy mươi hai đồng) (BL 138). Do các bên không thực hiện đúng nghĩa vụ đã thỏa thuận nên xảy ra tranh chấp. Xét đây là quan hệ tranh chấp kinh doanh, thương mại về “Hợp đồng phân phối sản phẩm” được ngành Luật thương mại điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo qui định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn luôn vắng mặt. Song căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, cụ thể là Bản đối chiếu công nợ đến ngày 30/6/2020 (BL 138 - bản gốc) do nguyên đơn cung cấp, có chữ ký và đóng dấu của cả hai bên. Theo đó thì **Công ty TNHH Lớp xe ô tô N P** do ông Nguyễn Văn Cai đại diện còn nợ lại **Công ty TNHH YT VN** số tiền hàng là **1.607.943.772 đồng** (Một tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm bảy mươi hai đồng). Và bị đơn cũng thừa nhận số nợ này tại phiên tòa. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số nợ **1.607.943.772 đồng** (Một tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm bảy mươi hai đồng) là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận theo qui định tại khoản 1 Điều 55 Luật thương mại.

[3] Về lãi suất do chậm thanh toán: Căn cứ vào khoản 5.20 và 5.6 Điều 5 của HĐ phân phối số 1C0302/YTVI/2019/LTB và số 1C0302/YTVI/2019/PCR (BL 33-34, 58-59) thì mức lãi suất do chậm thanh toán mà hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng. Theo qui định tại Điều 306 Luật thương mại thì lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ

thanh toán được tính theo Lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường. Tuy nhiên, tại tòa hôm nay đại diện nguyên đơn tự nguyện chỉ yêu cầu mức lãi suất là 9 %/năm (tức 0,75%/tháng) là thấp hơn qui định, có lợi cho bị đơn. Hai bên cũng thống nhất tính lãi chậm thanh toán từ ngày 28/8/2019 (tức ngày thứ 61 tính từ ngày xuất hóa đơn cuối cùng) cho đến ngày xét xử 29/4/2021. Xét đây là tự nguyện định đoạt của đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận. Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Thời gian chậm trả từ 28/8/2019 đến nay 29/4/2021 là: 20 tháng 01 ngày.

Lãi suất phải chịu là: 1.607.943.772 đồng x 20 tháng 01 ngày x 0,75%/ tháng = **241.593.550 đồng** (Hai trăm bốn mươi một triệu năm trăm chín mươi ba ngàn năm trăm năm mươi đồng).

Tuy nhiên trong giai đoạn thi hành án nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì nguyên đơn vẫn yêu cầu trả lãi chậm trả theo qui định. Cho nên trong giai đoạn thi hành án nếu phía bị đơn chậm trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo Điều 306 Luật thương mại.

[4] Thời hạn và phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh.

[5] Bị đơn phải chịu án phí trên phần nghĩa vụ phải thực hiện 1.607.943.772 đồng + 241.593.550 đồng = 1.849.537.322 đồng (Một tỷ tám trăm bốn mươi chín triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm hai mươi hai đồng). Nên án phí là 36.000.000 đồng + 3% (1.849.537.322 đồng - 800.000.000 đồng) = 67.486.119 đồng (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn một trăm mười chín đồng).

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 30, 35, 39, 147, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Điều 24, 50, 55, 300, 301 và 306 Luật thương mại;
- Án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/2016 của HĐTP TANDTC.
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty TNHH Y T VN**. Buộc bị đơn **Công ty TNHH Lốp xe ô tô N P** do ông Nguyễn Văn Cai đại diện có nghĩa vụ thanh toán cho **Công ty TNHH YT VN** số tiền hàng là 1.607.943.772 đồng (Một tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm bảy mươi hai đồng) và tiền lãi là 241.593.550 đồng (Hai trăm bốn mươi một triệu năm trăm chín mươi ba ngàn năm trăm năm mươi đồng). Tổng cộng bị đơn phải thanh toán cho

nguyên đơn số tiền là **1.849.537.322 đồng** (Một tỷ tám trăm bốn mươi chín triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm hai mươi hai đồng) khi án có hiệu lực.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ chậm thi hành thì phải chịu lãi suất chậm trả theo lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 306 Luật thương mại.

2/ Nguyên đơn **Công ty TNHH YT VN** được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp **32.616.000 đồng** (Ba mươi hai triệu sáu trăm mười sáu ngàn đồng) theo biên lai số 006493 ngày 09/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn **Công ty TNHH Lốp xe ô tô N P** do ông Nguyễn Văn Cai đại diện phải chịu **67.486.119 đồng** (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn một trăm mười chín đồng) án phí KDTM sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án thì các đương sự được quyền kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND Q.Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGT.
- Lưu HS – BA.

Thái Mỹ Nhung